

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 76/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 24/11/2020

V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Văn Bằng
2. Ông Nguyễn Việt Quốc

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Diễm My – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 6 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1987; Trú tại: ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh H (có mặt)

Bị đơn: Anh Trương Văn H, sinh năm 1987; Trú tại: ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh H (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 27/8/2020, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị và anh Trương Văn H làm lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2013, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không thật sự tin yêu chị C, anh H không dành nhiều thời gian để quan tâm chăm sóc chị C và con chung, từ đó dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Vợ chồng cũng đã chính thức ly thân, đến nay không hàn gắn đoàn tụ được.

Về con chung: có 01 con chung là Trương Ngọc H, sinh ngày: 11/10/2014.

Về tài sản chung; về nợ chung: Không có.

Nay chị C yêu cầu được ly hôn với anh H; Về con chung: chị C yêu cầu nuôi dưỡng cháu Trương Ngọc H, sinh ngày: 11/10/2014, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Trương Văn H trình bày:

Anh H thừa nhận về quan hệ hôn nhân; con chung và tài sản chung như chị C trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H bận nhiều việc, nên ít có thời gian để chăm sóc vợ con, tuy nhiên anh vẫn đưa tiền lương cho chị C để lo chi tiêu trong gia đình, ngoài ra anh và chị C không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Vợ chồng ly thân khoảng 03 tháng nay, do chị C bỏ đi ra ngoài ở nhà trọ, anh có tìm cách hàn gắn tình cảm với chị C nhưng không được.

Nay chị C yêu cầu ly hôn anh H không thống nhất ly hôn, muốn vợ chồng đoàn tụ để lo cho con; Về con chung: Trương Ngọc H, sinh ngày: 11/10/2014 nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh H yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị C cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Châu Thành phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị C. Chị C được ly hôn với anh Trương Văn H

Về con chung: Chị Nguyễn Thị C được tiếp tục nuôi cháu Trương Ngọc H, anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Phần án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Trương Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không còn tin yêu nhau nên bất đồng quan điểm và vì vợ chồng không thật sự quan tâm chăm sóc cho nhau, từ đó dẫn đến không còn hạnh phúc và chính thức ly thân nhau từ tháng 8/2020 đến nay, trong suốt quá trình ly thân vợ chồng cũng không hàn gắn đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án chị C vẫn kiên quyết ly hôn, anh H không có biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ. Từ đó cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C là phù hợp.

[2] Về con chung: có 01 con chung là Trương Ngọc H, sinh ngày: 11/10/2014, chị C muốn được tiếp tục nuôi con và anh H cũng muốn được nuôi con. Xét thấy chị C và anh H đều có nguyện vọng được nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử xem xét về điều kiện của chị C và anh H. Bản thân chị C là công chức công tác tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thu nhập mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng, đối với anh H nghề nghiệp giáo viên và có kinh doanh tiệm máy photo copy nên có thu nhập mỗi tháng khoảng 11.000.000 đồng, qua đó xác định với thu nhập của chị C và anh H ai cũng có đủ điều kiện để nuôi con, nhưng từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu H được chị C nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo, có xác nhận của địa phương, anh H thì công việc nhiều, nên ít có thời gian chăm sóc gia đình, đây cũng là nguyên nhân dẫn đến việc chị C xin ly hôn. Ngoài ra cháu H là nữ nếu ở với chị C sẽ được chăm sóc chu đáo hơn. Vì vậy xét về điều kiện mọi mặt nhằm bảo đảm quyền lợi cho cháu H và cũng cần thiết ổn định môi trường sống cho cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị C được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh Trương Văn H chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh H không ai được cản trở

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét giải quyết

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Các Điều 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Trương Văn H được ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Trương Ngọc H, sinh ngày: 11/10/2014 đến khi trưởng thành (tròn 18 tuổi). Anh Trương Văn H chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho anh H không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004186 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Chị C đã nộp đủ án phí phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- UBND xã Đông Phước A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Tiến Dũng